

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 239/2024/HS-ST
Ngày 27-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Lương Văn Thoại

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 249/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đ T V- sinh năm 1993; Trú tại: Thôn A, B, C, Hà Nội; Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; họ và tên cha: Đ Đ L- sinh năm 1972; họ và tên mẹ: H T K, sinh năm 1974; vợ là N T H- sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2024; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án – tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số 534 ngày 21/10/2024 do Công an huyện K lập và lý lịch bị can thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. M T T- sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn D- G, H, Bắc Kạn; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; họ và tên cha: M T T1- sinh năm 1963; họ và tên mẹ: P T N (c); vợ là V T D- sinh năm 1995; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; tiền án – tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số 541 ngày 30/10/2024 do Công an huyện K lập và lý lịch bị can thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo M T T: Bà H T S, trợ giúp viên pháp lý- trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Hà Nội.

(có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: chị P T T- sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn E- F- K- Hà Nội (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

-Ông P V Đ- sinh năm 1958 (vắng mặt)

-Bà N T H- sinh năm 1959 (vắng mặt)

- Anh Đ V T- sinh năm 1981 (vắng mặt)

- Cháu Đ T N O- sinh năm 2004 (vắng mặt)

-Cháu Đ T K L- sinh năm 2011 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn E- xã F- huyện K- thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh P V C- sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn E, F, K, Hà Nội(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/01/2024, Đ T V – sinh 1993, trú tại: Thôn 1, B, C, Hà Nội có ký Hợp đồng thuê mặt bằng kho bãi diện tích 2.000m² tại khu vực bãi nông trường, thôn X, Y, K, Hà Nội với giá 10.000.000đ/1 tháng với ông L A Đ, sinh năm 1970, trú tại: Thôn E,F, K, Hà Nội để làm xưởng ép giấy. Đ T V mang chiếc máy ép giấy thủy lực có xuất xứ từ Trung Quốc, màu xanh, đã được lắp phần mềm tiếng Việt Nam mua cuối năm 2023 với giá hơn 1.000.000.000 đồng mang về lắp đặt tại xưởng. Đ T V là người trực tiếp quản lý, Đ T V thuê M V T – sinh 1992, trú tại: Thôn D, G, H, Bắc Kạn làm nhiệm vụ vận hành điều khiển máy ép giấy, khởi động máy, vận hành xe nâng đẩy vật liệu vào băng tải, chuyển kiện hàng sau khi hoàn thành ép và bọc dây thép; G A V (tên thường gọi là T), sinh năm 2005, trú tại L, H, Sơn La có nhiệm vụ lái xe nâng để đưa giấy vào băng chuyền, gấp giấy đã được ép xếp vào khu vực thành phẩm ép và đưa lên xe ô tô khi bán cho khách hàng; chị P T T, sinh năm 1980, trú tại: F, K, Hà Nội có nhiệm vụ nấu cơm trưa dọn dẹp vệ sinh tại xưởng, phụ giúp anh M T T trong việc cắt dây, buộc giấy, mỗi tháng Đ T V trả

lượng 6.000.000 đồng/ 1 người nhưng không ký hợp đồng lao động. Quy trình của máy ép giấy hoạt động theo nguyên lý vận hành tự động, đưa giấy vào băng chuyền, băng chuyền đưa giấy vào thùng ép, ép giấy thành bánh có kích thước rộng 1.1m; cao 1.1m, dài 2m; Trên băng chuyền có mắt thần, băng chuyền sẽ hoạt động khi mắt thần không bị che lấp, trong trường hợp mắt thần bị che thường là do giấy bị mắc hoặc giấy bị đầy ở thùng ép, thì băng chuyền sẽ ngừng hoạt động. Đối với thùng xi lanh ép giấy thì thân thùng có 02 mắt thần song song với nhau, cách nhau khoảng 1.1m, khi hai mắt thần này bị che lấp thì xi lanh hoạt động ép giấy, nếu không bị che lấp thì xi lanh sẽ dừng hoạt động, trong trường hợp máy ép gặp sự cố thì đèn lấp tại khu vực bảng điều khiển của máy sẽ báo đèn màu xanh. Để thực hiện ép, máy sử dụng Piton ép, khoảng 07 đến 10 lần ép piton thì đủ độ dài 2m, có 02 lưới dao cắt gắn cùng piton sẽ thực hiện cắt phần giấy thừa bên trên kiện hàng, sau khi có đủ kích thước theo cài đặt, máy sẽ cuộn dây thép quanh kiện, và tự đùn kiện hàng ra ngoài, người lao động sẽ lái xe nâng tới để di chuyển kiện hàng tới điểm tập kết, máy có ô cửa kích thước 60cmx80cm để công nhân có thể di chuyển vào trong kiểm tra xem máy bị kẹt ở khu vực nào. Khi có lỗi vận hành, máy chỉ báo lỗi, không có cụ thể lỗi ở khu vực, vị trí nào, máy không tự động ngắt, mà người vận hành phải thực hiện ấn nút dừng chạy máy. Máy ép giấy từ khi được đưa vào khai thác, sử dụng chưa được cơ chức năng kiểm định chất lượng. Trên thực tế hàng ngày, khi máy xảy ra sự cố kẹt giấy trên phễu, anh Đ T V có hướng dẫn cho anh M T T xử lý sự cố cụ thể như sau: Tắt băng chuyền và tắt bơm bằng nút điều khiển và màn hình điều khiển hoặc tắt bằng cầu dao bên trái máy ép vì trong trường hợp chỉ tắt băng chuyền bằng công tắc trên bảng điều khiển thì chỉ băng chuyền không hoạt động, còn thùng xi lanh ép giấy vẫn hoạt động bình thường, vì hai bộ phận này hoạt động độc lập. Khoảng tháng 5 năm 2024, do công việc gia đình nên Đ T V đã nhờ ông Đ Đ L – sinh (là bố của Đ T V) đến trông coi xưởng, kiểm soát nhập xuất hàng, thu chi tiền hàng.

Ngày 18/6/2024, tại xưởng ép giấy có M T T, ông Đ Đ L, chị P T T và anh G A V làm việc. Tưởng là người trực tiếp vận hành máy ép giấy, G A V lái xe nâng để đưa giấy vào băng chuyền và nâng giấy thành phẩm, chị P T T thì dọn dẹp và phụ giúp M T T, ông Đ Đ L thì cân hàng và thu chi tiền hàng. Quá trình làm việc, máy ép giấy hoạt động bình thường, đến khoảng 19 giờ thì máy ép bị mắc giấy ở phễu máy. M T T và chị P T T cùng bảo nhau giật giấy bị mắc kẹt ra. M T T chỉ tắt băng chuyền bằng công tắc trên bảng điều khiển, không tắt động cơ máy ép. Chị P T T là người đi ra phía sau máy ép để giật giấy kẹt ra trước nhưng chị P T T không giật được. Thấy vậy, M T T đi ra sau, khi đến nơi M T T thấy chị P T T đang đứng trong buồng ép giấy. M T T cũng chui qua cánh cửa phía sau để chui vào trong buồng ép giấy. M T T và chị P T T cùng đứng trong buồng ép để giật giấy kẹt ra. Khi M T T và chị P T T giật được giấy kẹt ra và đưa lên để cho qua cửa thì máy ép hoạt động trở lại, pít tông ép đẩy từ trái sang phải. M T T nhảy lên được mặt pít tông và dùng 2

tay để kéo chị P T T lên trên nhưng không được. Vì vậy, chị P T T bị máy ép ép vào người dẫn đến bị đứt đôi người tử vong.

*** Về hiện trường vụ tai nạn lao động:**

Hiện trường vụ việc được xác định tại xưởng ép giấy tại thôn X, xã Y, huyện K, Hà Nội. Kho xưởng này có hướng Bắc tiếp giáp kho xưởng nội thất Minh Hân; có hướng Đông tiếp giáp cánh đồng thôn X, xã Y; có hướng Nam tiếp giáp kho xưởng ván ép Anh Sơn; có hướng Tây tiếp giáp đường bãi 42 và đối diện là xưởng thu mua phế liệu thùng nhựa Anh Hải; Kho xưởng này có diện tích 36mx55m; Kho xưởng được dựng bằng khung thép mái tôn(cao 8m) xung quanh được bao bọc khung thép tôn. Lối ra vào kho xưởng có cửa ra vào hướng Tây; từ lối cổng vào kho xưởng, bên trái lần lượt được bố trí là phòng bảo vệ, tiếp đến là phòng cơm kết hợp phòng nghỉ nhân viên, tiếp đến là khu vực tập kết để thành phẩm giấy ép và sau là khu vực bàn cân điện tử. Bên phải từ cổng vào được bố trí khu vực để các máy cào, máy nâng...Tiếp đến là khu vực để thành phẩm giấy ép. Hiện trường cụ thể được xác định tại khu vực máy ép thủy lực tại khu vực Đông Nam của kho xưởng. Máy ép thủy lực có băng chuyền kim loại có KT (1,6 x 11,75), cao 01m từ băng chuyền đặt song song tường tôn bao phía Đông lên tới miệng khoang ép có KT(1,45 x 1,8)m, từ vị trí miệng khoang ép xuống dưới đáy có hình mặt lưới ép cao 3,37m; đến đáy khoang ép có chiều cao 4,40m. Máy ép cao 4,6m(đây là loại máy ép giấy thủy lực, xuất xứ Trung Quốc). Bên sát trong khoang ép thấy có thấy có mặt lưới ép ngang có KT(0,8 x 0,15)m. Tại vị trí phía dưới mặt lưới ép tại thành phía Đông, khoang ép đến phía đáy khoang ép thấy có đám chất màu nâu đỏ đã khô trong diện KT(0,7 x 0,4)m. Vị trí gần nhất dấu vết này cách thành phía Nam khoang ép khoảng cách 0,3m. Đối diện với bộ phận lưới cắt ngang này là bộ phận cảm biến tại thành phía Tây. Tại phía Đông khoang ép còn các sản phẩm làm bằng giấy. Tiến hành giám sát bộ phận đúc khuôn và buộc dây thép thành phẩm giấy ép tại phía Tây của máy ép thủy lực chưa phát hiện dấu vết liên quan; tại bộ phận cầu dao điện tại hướng Tây của máy ép thủy lực, quan sát thấy tình trạng đã ngắt điện hệ thống máy ép thủy lực, chưa phát hiện dấu vết, tài liệu liên quan. Tại thành bên ngoài phía Nam khoang ép giấy, quan sát thấy có bám dính chất màu nâu đỏ, tổ chức cơ thể người từ chân máy ép đến khoang cửa máy ép cao 1,7m. Cửa thông vào khoang máy ép có KT(0,60 x 0,5)m, cửa mở hướng ra ngoài, cửa sổ này có 02 khóa dạng vặn tròn, cửa này cách tường máy ép phía Tây khoảng cách là 0,6m và cách tường bao tôn phía Nam khoảng cách là 2,1m. Trong quá trình khám nghiệm hiện trường, vị trí đặt thi thể chị P T T(SN 1980; HKTT: Thôn Hạ, F, K, Hà Nội) tại ngay phía sau máy ép thủy lực tiếp giáp tường bao tôn phía Nam, có đầu cách tường phía Đông khoảng cách 1,3m và cách tường bao máy ép thủy lực hướng Tây khoảng cách 01m(kí hiệu X trong sơ đồ hiện trường). Ngay cạnh vị trí đặt thi thể phát hiện dấu vết màu nâu đỏ trong diện KT(0,7 x 0,5)m. Thời điểm khám nghiệm

hiện trường, thi thể chị P T T được người dân đắp 01 chăn màu xanh dương, nhãn hiệu BEAR; phía dưới là 01 khăn màu xanh có hoa văn hình ngựa. sau khi bỏ lớp chăn trên cùng ra, quan sát thấy thi thể chị P T T mặc áo lao động tối màu, quần màu trắng; hai chân đi tất, tại phần giữa thi thể bị cắt đôi, bên cạnh tử thi có 01 mũ trắng. Tiến hành kiểm tra xung quanh chưa phát hiện dấu vết, tài liệu liên quan

Phương tiện, dấu vết, tài liệu và mẫu vật thu được: không thu giữ gì

*** Về khám nghiệm, giám định pháp y tử thi nạn nhân:**

Tại bản kết luận giám định tử thi số: 867/821/KLGĐTT-TTPY ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm Pháp y Hà Nội i kết luận:

“ Kết luận nguyên nhân chết: Nạn nhân P T T, sinh năm 1980 tử vong do Đa chấn thương: Đứt rời vùng bụng, thất lưng ra khỏi khung chậu đứt phức tạp động - tĩnh mạch, chấn thương đứt rời cột sống đoạn L5-S1 hậu quả của vùng bụng - khung chậu bị chèn ép bởi vật có cạnh tương đối sắc với lực tác động mạnh ngang với trục của cơ thể./.”

Tại bản cáo trạng số: 239/CT-VKSGL ngày 28/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Đ T V, M T T về tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Đ T V, M T T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của các bị cáo Đ T V, M T T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự và đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Đ T V mức án tù 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị xử phạt bị cáo M T T mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đ T V cho UBND xã B- huyện C- thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo M T T cho UBND xã G- huyện H- tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Không

Người bào chữa cho bị cáo M T T trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với toàn bộ nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Đại diện viện kiểm sát. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hơn nữa hình phạt cho bị cáo M T T do bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức còn hạn chế.

Nói lời sau cùng, các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, rất xin lỗi gia đình bị hại đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đề các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn nhận tội, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đại diện bị hại không có khiếu nại về bất cứ vấn đề gì trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát huyện K đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Đ T V thuê bị cáo M T T trực tiếp vận hành, sử dụng máy ép giấy: Khoảng 19 giờ ngày 18/6/2024 tại Xưởng ép giấy của Đ T V ở thôn X, Y, K, Hà Nội, trong quá trình ép giấy, giấy bị mắc kẹt trong phễu, máy ép dừng hoạt động, bị cáo M T T không ngắt nguồn điện (tắt máy) trước khi M T T và chị P T T chui vào buồng ép giấy để giật giấy bị mắc kẹt trong phễu xuống buồng ép, khi M T T và chị P T T

giật được giấy mắc xuống thì máy ép tiếp tục hoạt động dẫn đến chị P T T bị máy ép giấy ép vào người dẫn đến tử vong tại chỗ.

Trong vụ tai nạn lao động trên lỗi và nguyên nhân gây ra vụ tai nạn lao động thuộc về: **Đ T V** (người sử dụng lao động): Không xây dựng, ban hành nội quy, quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn lao động đối với máy ép thủy lực để tổ chức hướng dẫn, huấn luyện người lao động; Không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động (*Vi phạm Điều 15, Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động*). M T T là người lao động được giao nhiệm vụ trực tiếp vận hành, sử dụng máy ép giấy: Trong quá trình xử lý máy ép bị kẹt giấy đã không thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành máy ép giấy, không tắt máy ép giấy chỉ tắt bằng chuyên dẫn đến tai nạn lao động làm chị P T T tử vong (*Vi phạm Điều 17, Điều 28 Luật An toàn, vệ sinh lao động*)

[3] Hành vi của các bị cáo Đ T V, M T T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi các bị cáo Đ T V, M T T đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định về bảo đảm an toàn lao động của Nhà nước được Bộ luật hình sự bảo vệ, hậu quả là dẫn đến chết người. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và nhân thân người phạm tội:

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Đ T V, M T T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Đ T V, M T T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường hỗ trợ khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Các bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo Đ T V có ông Ngoại được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến, bị cáo M T T là người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nhận thức hạn chế, Đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nên được coi là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt các bị cáo hình phạt tù trong khung hình phạt

nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đảm bảo giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, cũng như thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, cho các bị cáo cơ hội tự cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội. Do Đ T V là chủ cơ sở sản xuất, là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án này nên mức hình phạt áp dụng với Đ T V cần cao hơn mức hình phạt áp dụng đối với Tường.

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Những người đại diện theo pháp luật của bị hại đã nhận đủ bồi thường và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nhân thân của các bị cáo, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên về phần hình phạt có phần nghiêm khắc.

[11] Về xử lý vật chứng: Không

[12] Về các vấn đề khác:

Đối với ông Đ Đ L (là người được Đ T V nhờ trông coi xưởng ép giấy), qua điều tra xác định: Ông Đ Đ L không liên quan đến vụ tai nạn lao động dẫn đến hậu quả chị P T T bị tử vong. Vì vậy Cơ quan CSĐT – Công an huyện K không đặt vấn đề xử lý đối với ông Đ Đ L là đúng quy định.

Đối với ông L A Đ là người cho bị cáo Đ T V thuê mặt bằng làm nhà xưởng ép giấy. Qua điều tra xác định, ông L A Đ không có trách nhiệm đối với hoạt động sản xuất của Xưởng ép giấy. Vì vậy Cơ quan CSĐT – Công an huyện K không xử lý hình sự đối với ông L A Đ là đúng quy định..

[13] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về trách nhiệm dân sự, về hình phạt bổ sung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về án phí:

[14] Bị cáo Đ T V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo M T T là người dân tộc thiểu số thuộc khu vực có khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[15] Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đ T V, M T T phạm tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đ T V 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 tháng, tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo M T T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đ T V cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo M T T cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Bắc Kạn để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không

2. Về xử lý vật chứng: Không

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đ T V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo M T T.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKS nhân dân huyện K;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú (thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo và những người TGTG khác;
- Lưu.

Tạ Thị Ngân